Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4707.20.00

Mã HS	4707.20.00
Mô tả hàng hóa	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa) / - Giấy hoặc bìa khác được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình hóa học đã tẩy trắng, chưa nhuộm màu toàn bộ
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 23:34:23
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/47072000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7270
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7270
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7270
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7043
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6998
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6998
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6998
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6998
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6998
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6998
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7048
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7048

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7048
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7048
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7048
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7048
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7050
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7050
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7050
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7050
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7050
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7050
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7050
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7004
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7006
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7006
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7006
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7006
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7006
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7006
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7026
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7026
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7026
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7026
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7026
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7026
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7081
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7081

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7081
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7081
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7081
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7081
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7061
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7061
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7061
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7061
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7061
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7061
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7069
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7069
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7069
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7069
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7069
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7069
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7062
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7062
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7062
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7062
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7062
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7062
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7063
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7063
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7063
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7063

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7063
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7063
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7029
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7029
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7029
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7029
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7029
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7029
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7029
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7063
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7063
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7063
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7063
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7063
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7063
RCEP B	2022	2022	0	B!D7063
RCEP B	2023	2023	0	B!E7063
RCEP B	2024	2024	0	B!F7063
RCEP B	2025	2025	0	B!G7063
RCEP B	2026	2026	0	B!H7063
RCEP B	2027	2027	0	B!I7063
RCEP C	2022	2022	0	C!D7063
RCEP C	2023	2023	0	C!E7063
RCEP C	2024	2024	0	C!F7063
RCEP C	2025	2025	0	C!G7063
RCEP C	2026	2026	0	C!H7063

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7063
RCEP D	2022	2022	0	D!D7063
RCEP D	2023	2023	0	D!E7063
RCEP D	2024	2024	0	D!F7063
RCEP D	2025	2025	0	D!G7063
RCEP D	2026	2026	0	D!H7063
RCEP D	2027	2027	0	D!I7063
RCEP E	2022	2022	0	E!D7066
RCEP E	2023	2023	0	E!E7066
RCEP E	2024	2024	0	E!F7066
RCEP E	2025	2025	0	E!G7066
RCEP E	2026	2026	0	E!H7066
RCEP E	2027	2027	0	E!I7066
RCEP F	2022	2022	0	F!D7063
RCEP F	2023	2023	0	F!E7063
RCEP F	2024	2024	0	F!F7063
RCEP F	2025	2025	0	F!G7063
RCEP F	2026	2026	0	F!H7063
RCEP F	2027	2027	0	F!I7063
VIFTA	2024	2024	0	VI!F6527
VIFTA	2025	2025	0	VI!G6527
VIFTA	2026	2026	0	VI!H6527
VIFTA	2027	2027	0	VI!I6527

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Phế liệu được phép NK từ nước ngoài làm NLSX (13/2023/QĐ-TTg)		13/2023/QĐ-TTg	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4707.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4707.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7270), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Phế liệu được phép NK từ nước ngoài làm NLSX (13/2023/QĐ-TTg)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.